

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 02 - 2023

Về việc Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Bùi Đình Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q; Nơi cư trú: Khu dân cư số 03, B, thành phố H; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn N; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được sự đồng ý của hai bên gia đình bố mẹ nên chúng tôi tự nguyện về chung sống cùng nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào ngày 04/9/2020 nhưng chưa được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống cùng gia đình anh N tại thôn T, xã D, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống cho đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề làm ăn kinh tế lẫn chăm lo gia đình, anh N ham chơi bởi cờ bạc phá

tán tài sản gia đình, nợ nần nhiều nên thường xuyên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Do mâu thuẫn nên mỗi người sống một nơi không còn quan tâm nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ với nhau được nữa chị đề nghị Tòa án giải quyết anh được ly hôn anh Vũ Văn N.

- Về con chung: Chị và anh Vũ Văn N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Vũ Văn N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn N vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án ghi ý kiến trình bày quan điểm về việc chị Q xin ly hôn.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b, khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Vũ Văn N; Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q trình bày vợ chồng không có con chung, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Kiểm sát

viên không đề cập giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Bị đơn anh Vũ Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ song vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 39 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét chị Nguyễn Thị Q và anh Vũ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện được sự đồng ý của hai bên gia đình bố mẹ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2020, ngày 04 tháng 9 năm 2020 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu, chứng cứ thể hiện chị Q và anh N trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã nhau do mâu thuẫn nên chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống vợ chồng không quan tâm nhau từ năm 2021, nay để giải phóng cho nhau chị Q đề nghị được ly hôn anh N. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Văn N Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vắng mặt và cũng không có văn bản nào gửi đến Tòa án trình bày quan điểm về việc chị Q xin ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh N đã kéo dài, trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q, cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Vũ Văn N.

[3] Về con chung

Trong quá trình chung sống chị Q và anh N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung

Chị Q trình bày chị và anh N mới chung sống một thời gian ngắn nên không có tài sản chung, anh Vũ Văn N vắng mặt chưa có quan điểm về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Vũ Văn N.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008114, ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã D, h. T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

